TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Thông;

2. Bà Thi Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu không *tham gia phiên tòa*.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ 4, khóm Cây Da, phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Khu dân cư mới, khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ 3, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/6/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 29/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày: Hôn nhân của anh chị là do anh, chị tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên đồng

ý nên tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ở tại gia đình anh T có hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẩn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2002 cho đến nay. Nguyên nhân: Chị L cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tại bản tự khai ngày 24/6/2019 của anh Nguyễn Văn T thì anh T thống nhất về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẩn vợ chồng như chị L trình bày. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị L. Trong thời gian chung sống chị L và anh T có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 10/8/1997 hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: anh chị đều khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/6/2019.

Tại phiên tòa: Chị Ngô Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Ngô Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, có nơi cư trú tại tổ 3, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/6/2019 nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1996. Tuy có tổ chức lễ cưới nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẩn dẫn đến anh chị không chung sống được với nhau. Tuy anh chị đều đồng ý ly hôn nhau nhưng do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 10/8/1997 hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên HĐXX cũng không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng

2. *Về nuôi con chung*: Chị L và anh T có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 10/8/1997 hiện nay đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001956 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan